

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HS - ST
Ngày 17 - 10 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Chí Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hồng Việt;

Ông Trương Công Chư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2018/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/HSST-QĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm: 1964 tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã Ia, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp không nghề nghiệp; trình độ văn hoá (học vấn) 6/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; Quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th (đã chết); vợ là Ngô Thị L (chết) và có 03 con; Tiền án: Không; tiền sự không; Về nhân thân: Năm 1993, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 03/10/2015 chấp hành xong án phạt tù và trở về sinh sống tại địa phương; bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã từ ngày 14/7/2018 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn V, sinh năm: 1962 tại huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã Ia, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp làm nông; trình độ văn hoá (học vấn) 4/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; Quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Văn S (đã chết) và bà

Trần Thị T (đã chết); vợ là Trần Thị K và có 04 con; tiền án: không; tiền sự không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Lê Xuân D, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Làng G, xã Ia, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Mai Xuân P, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 16/4/2018, Nguyễn Văn T đến nhà Trần Văn V ở thôn A, xã Ia, huyện Chư Prông uống bia. Trong lúc uống bia, V rủ T đi trộm chó thì T đồng ý. T lấy xe mô tô của mình chở V vào khu vực làng L, xã Ia thì T dừng xe lại và đi đến nhà dân gần đó quan sát xem có tài sản gì để lấy, lúc sau T quay ra và nói với V nhà này có tiêu nhưng có chó không làm gì được, V nói để V đánh bả chó nhưng T nói lấy tiêu bán lấy tiền hơn. Ngay lúc này có người đi đến, cả hai sợ bị phát hiện nên lên xe bỏ chạy, T điều khiển xe chở V chạy đến khu vực làng G, xã Ia và rẽ phải vào khu dân cư. Đi được khoảng 400 mét, T rẽ vào một khu đất trống để xe mô tô tại đây và nói V ở ngoài canh chừng còn T đi vào nhà của anh Lê Xuân D để trộm cắp tài sản. Thấy nhà anh D không có ai, T nhìn qua khe hở vách thung tôn thấy trong nhà có chiếc ti vi và máy phát cỏ, T quay ra nói với V là lấy máy phát cỏ. V nói đừng lấy máy phát cỏ mà lấy lấy ti vi đem bán, nghe vậy T quay trở vào dùng tay bẻ tôn và chui vào nhà bê chiếc tivi hiệu Sony ra chỗ V. V và T lấy chiếc bao tải trùm ti vi lại rồi T điều khiển xe, V ngồi sau ôm tivi trộm cắp được đến bán cho ông Mai Xuân P tại xã T, huyện Chư Prông với giá 2.500.000 đồng. Ông P đồng ý mua nhưng đưa trước cho T số tiền 350.000 đồng, số tiền còn lại hẹn trả vào ngày 17/4/2018. Sau khi bán tivi, T và V cùng nhau đi về khu vực Công ty cao su Chư Prông uống rượu hết 110.000 đồng, số tiền còn lại T cất giữ và tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá số 25/KL-DGTS ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chư Prông xác định chiếc tivi SONY 40 inch trị giá 8.925.000 đồng.

Sau khi vụ việc được phát hiện, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc tivi Sony 40 inch, sau đó trả lại cho anh Lê Xuân D, anh D không cầu gì.

Ông Mai Xuân P cũng không có yêu cầu gì.

Đối với chiếc xe mô tô T dùng để chở V đi trộm cắp tài sản, T đã bán cho một người đồng bào không rõ lai lịch với giá 1.000.000 đồng, cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không thu hồi được.

Cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 21/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung ở trên.

Ông Mai Xuân P khai nhận: Do không biết chiếc tivi nhãn hiệu Sony mà các bị cáo trộm cắp mà có nên đã mua, hiện tại Cơ quan điều tra đã thu hồi. Nay không có yêu cầu gì.

Trình bày luận tội, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Trần Văn V. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 24 tháng đến 30 đến tháng tù; đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 09 đến 12 tháng tù. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Ngày 16/4/2018 các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Văn V đã lén lút đột nhập vào nhà anh Lê Xuân D ở làng G, xã Ia, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai để chiếm đoạt chiếc tivi nhãn hiệu Sony trị giá 8.925.000 đồng của anh Lê Xuân D. Do vậy các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo nhận thức được hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác là trái pháp luật, nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài một cách bất chính nên đã phạm tội. Hành vi của các bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của công dân mà còn gây mất an ninh, trật tự trên địa bàn. Do vậy các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm do hành vi của mình gây ra.

[2]. Đây là vụ án đồng phạm dạng giản đơn, mỗi bị cáo đều có một vai trò nhất định trong vụ án; tính chất, mức độ tham gia thực hiện tội phạm và nhân thân là có khác nhau nên cần phải phân hóa trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt cho tương xứng với từng bị cáo, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Văn T là người thực hiện tội phạm với vai trò là người thực hành tích cực. Bản thân bị cáo đã hai lần bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, đã phải chịu sự trừng phạt của pháp luật nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Mặc dù lần phạm tội này không bị coi là tái phạm do đã được đương nhiên xóa án tích, nhưng cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là chưa tốt, chưa thực sự cải tạo thành công dân lương thiện. Do vậy cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa.

Bị cáo Trần Văn V đồng phạm với vai trò là người xúi giục và giúp sức. Bị cáo đã thúc đẩy, sau đó tạo điều kiện về mặt tinh thần cho bị cáo T trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo cùng với bị cáo T đem đi tiêu thụ. Do vậy bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình, cần phải có hình phạt để răn đe và phòng ngừa.

Khi lượng hình cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Trần Văn V được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt đồng thời cũng là đề răn đe và phòng ngừa chung.

[3]. Trong vụ án này ông Mai Xuân P là người mua chiếc ti vi do các bị cáo trộm cắp mà có, tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên toà không có chứng cứ chứng minh ông P biết chiếc ti vi đó là do các bị cáo trộm cắp được. Do vậy Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xử lý trách nhiệm hình sự của ông P trong vụ án này là có cơ sở.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Lê Xuân D đã nhận lại tài sản do các bị cáo chiếm đoạt và không có yêu cầu gì, ông Mai Xuân P cũng không có yêu cầu gì. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo. Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn V.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 14 tháng 7 năm 2018.

Xử phạt bị cáo Trần Văn V 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Văn V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh Gia Lai
- Công an huyện;
- Lưu hồ sơ/VP(02 bản).

Đặng Chí Công